

NGHỊ ĐỊNH
Về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Lực lượng dự bị động viên ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc tuyển chọn, đào tạo sĩ quan dự bị; đăng ký, quản lý, huấn luyện; sắp xếp, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; giải ngạch sĩ quan dự bị; gọi sĩ quan dự bị vào phục vụ tại ngũ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sĩ quan dự bị, hạ sĩ quan dự bị; quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ.
2. Sĩ quan, cán bộ là quân nhân chuyên nghiệp khi thôi phục vụ tại ngũ có đủ tiêu chuẩn, điều kiện của sĩ quan dự bị.
3. Cán bộ, công chức, viên chức không thuộc hệ thống tổ chức của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức); công dân tốt nghiệp đại học trở lên; sinh viên khi tốt nghiệp đại học được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị.

4. Học viên tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở, đủ tiêu chuẩn, điều kiện phong quân hàm sĩ quan dự bị.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, tuyển chọn, đào tạo, sắp xếp, bổ nhiệm chức vụ sĩ quan dự bị

1. Đội ngũ sĩ quan dự bị được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; có số lượng và cơ cấu hợp lý; có trình độ, năng lực chỉ huy, quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Tuyển chọn, đào tạo sĩ quan dự bị phải bảo đảm theo chỉ tiêu, đúng đối tượng, đủ tiêu chuẩn; dân chủ, công khai, đúng pháp luật.

3. Sắp xếp, bổ nhiệm sĩ quan dự bị bảo đảm đúng chức danh biên chế, có chuyên nghiệp quân sự phù hợp; gần, gọn địa bàn; ưu tiên sắp xếp, bổ nhiệm cho các đơn vị bộ đội chủ lực trước, đơn vị bộ đội địa phương sau; kịp thời điều chỉnh khi có thay đổi về tổ chức hoặc đội ngũ sĩ quan dự bị.

Chương II TUYỂN CHỌN, ĐÀO TẠO SĨ QUAN DỰ BỊ

Điều 4. Đối tượng, tiêu chuẩn tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị

1. Đối tượng tuyển chọn

- a) Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ;
- b) Hạ sĩ quan dự bị, cán bộ, công chức, viên chức và công dân tốt nghiệp đại học trở lên;
- c) Sinh viên khi tốt nghiệp đại học.

2. Tiêu chuẩn tuyển chọn

a) Tiêu chuẩn chung

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có lịch sử chính trị của gia đình và bản thân rõ ràng, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc có đủ tiêu chuẩn chính trị để bồi dưỡng phát triển thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân; có trình độ, kiến thức chuyên môn, học vấn, tuổi đời phù hợp với từng đối tượng; sức khỏe từ loại 01 đến loại 03 theo quy định tuyển chọn sức khỏe tuyển quân, tuyển sinh quân sự của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

b) Tiêu chuẩn cụ thể

Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ, hạ sĩ quan dự bị đã giữ chức phó trung đội trưởng hoặc cán bộ tiểu đội và tương đương; tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, nếu thiếu, tuyển chọn đến tốt nghiệp trung học cơ sở, với người dân tộc thiểu số tuyển chọn trình độ học vấn lớp 7 trở lên; tuổi đời đối với quân nhân chuyên nghiệp không quá 35, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ và hạ sĩ quan dự bị không quá 30;

Cán bộ, công chức, viên chức tuổi đời không quá 35; riêng đào tạo sĩ quan dự bị ngành y, dược, tuổi đời không quá 40; đào tạo sĩ quan dự bị chính trị phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;

Công dân tốt nghiệp đại học trở lên, tuổi đời không quá 35; sinh viên khi tốt nghiệp đại học, tuổi đời không quá 30.

Điều 5. Kế hoạch đào tạo sĩ quan dự bị

1. Hằng năm, các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đề xuất nhu cầu đào tạo sĩ quan dự bị, báo cáo Bộ Quốc phòng.

2. Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch đào tạo sĩ quan dự bị, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và giao chỉ tiêu, nhiệm vụ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là bộ), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định số lượng cụ thể từng loại sĩ quan dự bị cần đào tạo của các bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 6. Tuyển chọn, xét duyệt, gọi đào tạo sĩ quan dự bị

1. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức, công dân tốt nghiệp đại học trở lên và hạ sĩ quan dự bị đang lao động, làm việc hoặc cư trú tại địa phương, báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội xét duyệt; Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Bộ Tư lệnh Quân khu thẩm định. Sau khi có kết quả thẩm định của Bộ Tư lệnh quân khu, kết quả xét duyệt của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định gọi từng người đi đào tạo sĩ quan dự bị.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo giao chỉ tiêu, hướng dẫn các học viện, trường đại học (trừ các học viện, nhà trường thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an) tuyển chọn, xét duyệt sinh viên khi tốt nghiệp đại học đi đào tạo sĩ quan dự bị; thẩm định kết quả xét duyệt, đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định; giám đốc, hiệu trưởng các học viện, trường đại học trao quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng gọi đào tạo sĩ quan dự bị đến từng sinh viên.

3. Đơn vị cấp dưới trực tiếp đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức tuyển chọn quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ đi đào tạo sĩ quan dự bị theo kế hoạch được giao. Đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng thẩm định nhân sự và quyết định gọi từng người đi đào tạo sĩ quan dự bị.

4. Các đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này có trách nhiệm thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị và chấp hành quyết định gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị của cấp có thẩm quyền.

5. Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao tuyển chọn nguồn đào tạo sĩ quan dự bị có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi cho đối tượng được gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị theo quy định của pháp luật.

6. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí bảo đảm tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi hằng năm của Bộ Quốc phòng;

b) Kinh phí tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định này do ngân sách địa phương bảo đảm;

c) Kinh phí bảo đảm tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị cho đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định này do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị

1. Hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị, gồm:

a) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc Thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi lao động, học tập, làm việc (đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, công dân tốt nghiệp đại học trở lên, sinh viên khi tốt nghiệp đại học và hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ); hồ sơ quân nhân (đối tượng là quân nhân chuyên nghiệp và hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ);

b) Bản thẩm tra xác minh lý lịch;

c) Phiếu (giấy) khám sức khỏe;

d) Bản sao chụp các văn bằng, chứng chỉ, bản công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp hoặc bản sao của cấp có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm lập hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị

a) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện lập hồ sơ đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, công dân tốt nghiệp đại học trở lên và hạ sĩ quan dự bị; Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm cung cấp hồ sơ;

b) Cấp trung đoàn và tương đương trở lên lập hồ sơ đối tượng quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ;

c) Các học viện, trường đại học lập hồ sơ đối tượng sinh viên khi tốt nghiệp đại học.

3. Thời gian hoàn thành lập hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị của các cơ quan, đơn vị, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Nghị định này là 30 ngày, trước ngày thông báo có mặt nhập học tại các học viện, nhà trường Quân đội.

4. Các học viện, nhà trường Quân đội được giao đào tạo sĩ quan dự bị, trong thời gian đào tạo có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sĩ quan dự bị (hồ sơ gốc) trên cơ sở hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị, nội dung bổ sung, hoàn thiện gồm: Lý lịch sĩ quan dự bị, quyết định phong quân hàm sĩ quan dự bị, giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị và các giấy tờ khác có liên quan. Kết thúc khóa đào tạo, bàn giao hồ sơ về Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi sĩ quan dự bị cư trú hoặc lao động, làm việc.

Điều 8. Tổ chức, thời gian, chương trình đào tạo sĩ quan dự bị

1. Tổ chức đào tạo sĩ quan dự bị

Các học viện, nhà trường Quân đội được giao đào tạo và cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị.

2. Thời gian, ngành đào tạo sĩ quan dự bị

a) Hạ sĩ quan dự bị, cán bộ, công chức, viên chức và công dân tốt nghiệp đại học trở lên đào tạo sĩ quan dự bị bộ binh, chính trị và ngành y, được là 03 tháng;

b) Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ đào tạo sĩ quan dự bị bộ binh; sinh viên khi tốt nghiệp đại học đào tạo sĩ quan dự bị bộ binh và ngành y, được là 04 tháng;

c) Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ đào tạo sĩ quan dự bị quân chủng, binh chủng là 05 tháng.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chương trình, nội dung đào tạo đối với từng đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.